CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

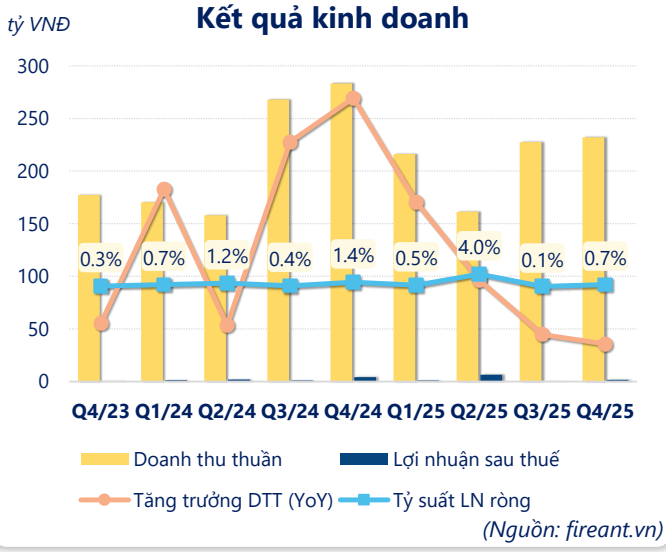
Ngày 31/12/2025	6,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.6%	**5.0%**	**6.8%**

ROE — 2025: **3.6%** — +/- YoY ▲ 0.5%

	Q4/25	QoQ	YoY
DT thuần	232 tỷ VNĐ	▲ 5.00 ▲ 2.2%	▼ 51.0 ▼ 18.0%
LN gộp	10.9 tỷ VNĐ	▲ 1.17 ▲ 12.3%	▲ 1.00 ▲ 10.4%
LN thuần	2.15 tỷ VNĐ	▲ 1.53 ▲ 247%	▼ 1.97 ▼ 47.7%
LN sau thuế	1.73 tỷ VNĐ	▲ 1.43 ▲ 476%	▼ 2.33 ▼ 57.4%

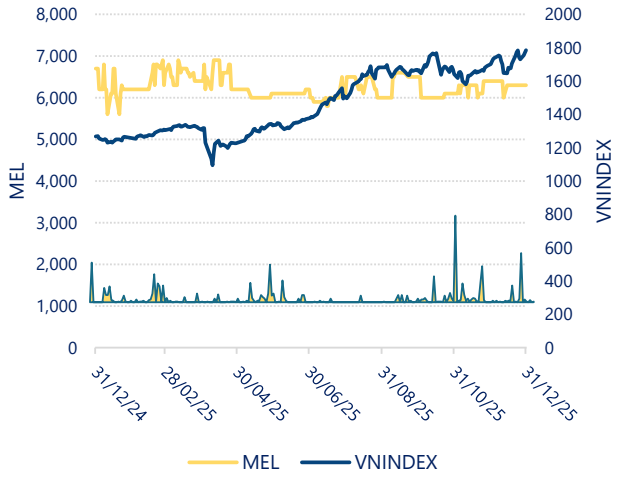
	2025	YoY
DT thuần	837 tỷ VNĐ	▼ 43.0 ▼ 4.8%
LN gộp	40.8 tỷ VNĐ	▲ 2.00 ▲ 5.2%
LN thuần	3.92 tỷ VNĐ	▼ 1.43 ▼ 26.7%
LN sau thuế	9.61 tỷ VNĐ	▲ 1.50 ▲ 18.6%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

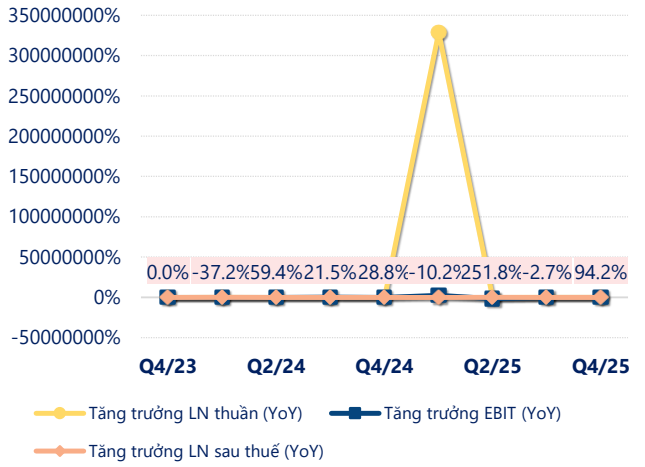
Lịch sử giá



Powered by Infographic
https://fireant.vn/

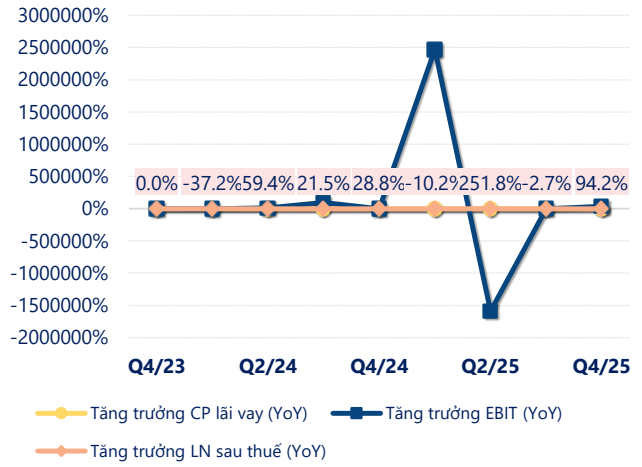
CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

Tăng trưởng lợi nhuận



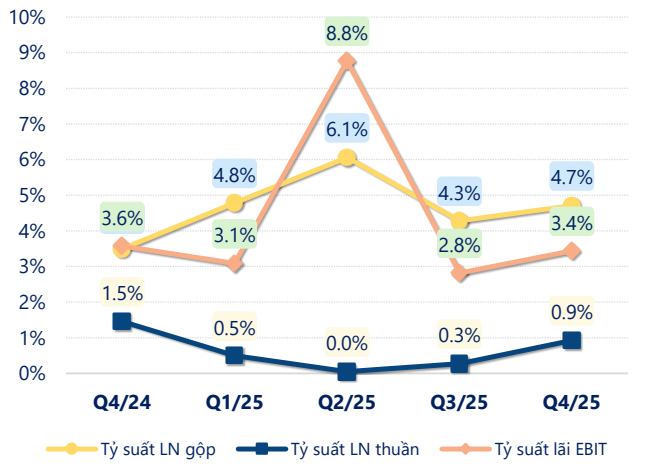
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



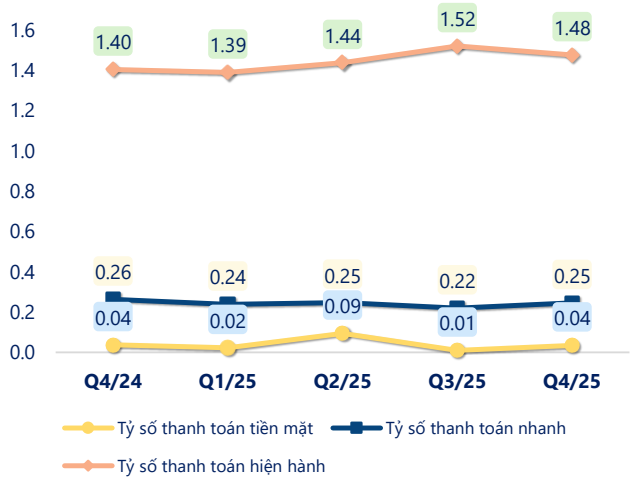
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



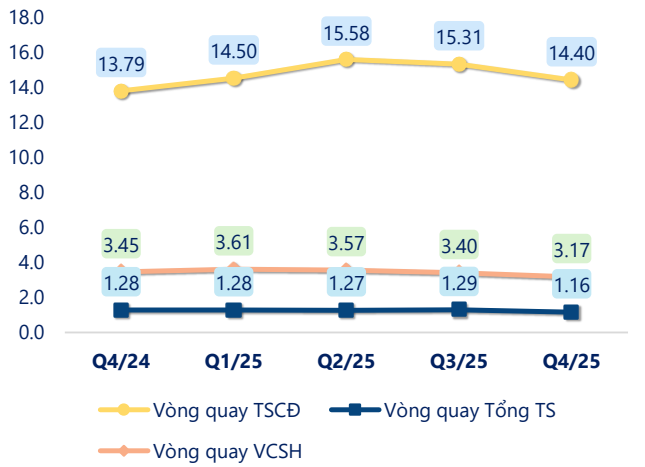
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



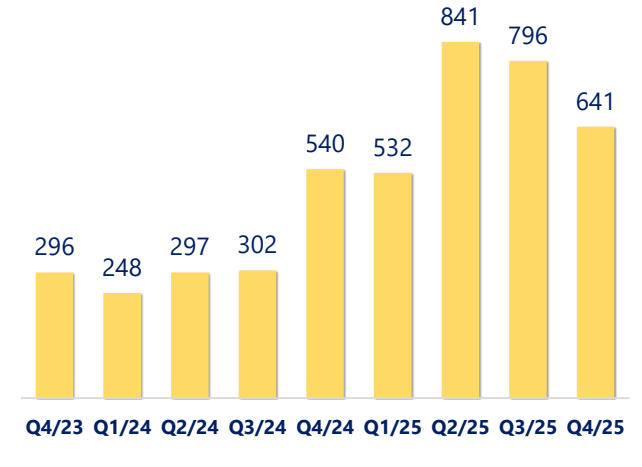
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

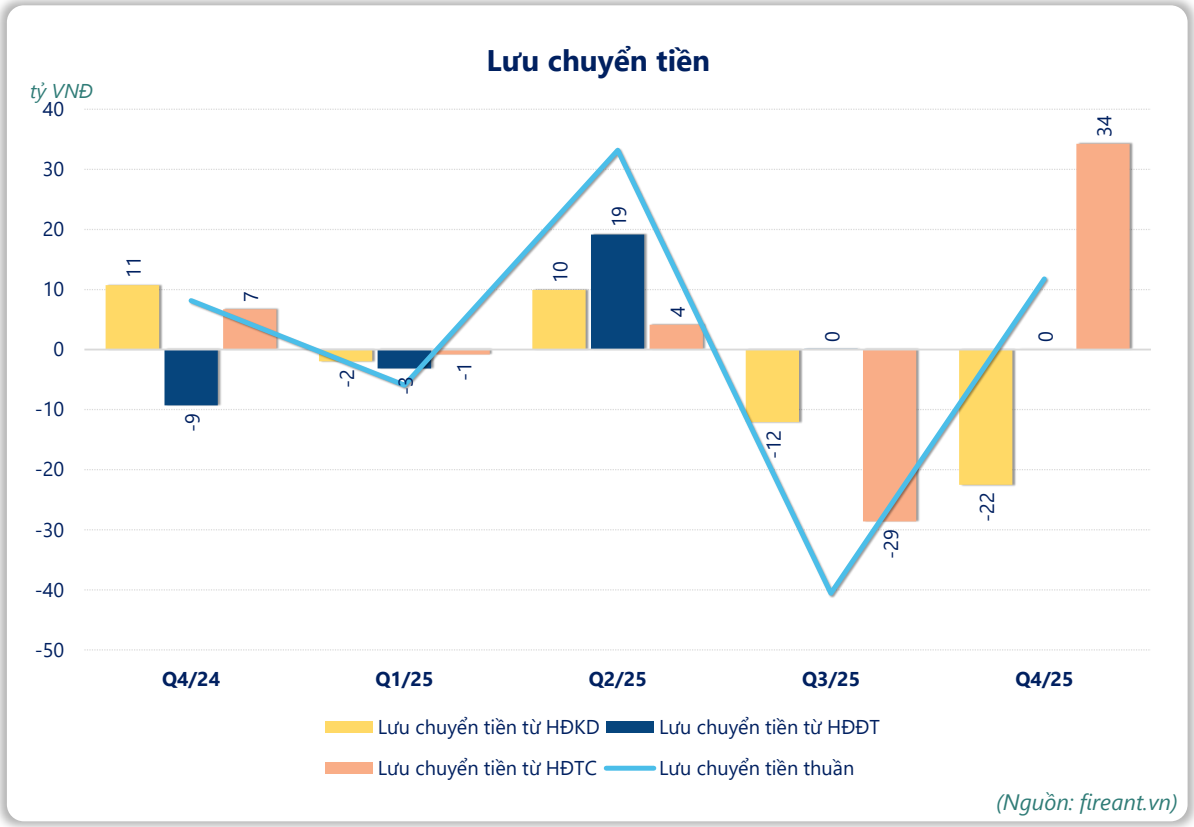


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Mê Lin (HNX: MEL)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**232**	**283**	**-18.0%**	**837**	**880**	**-4.8%**
Giá vốn hàng bán	221	273	-19.0%	796	841	-5.3%
Lợi nhuận gộp	10.9	9.90	10.4%	40.8	38.8	5.2%
Doanh thu HĐTC	0.53	3.46	-84.8%	1.15	3.73	-69.1%
Chi phí TC	6.00	6.18	-3.0%	24.7	25.2	-2.2%
Chi phí lãi vay	5.95	5.91	0.6%	23.1	24.4	-5.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.42	0.82	73.0%	4.86	3.30	47.3%
Chi phí QLDN	**1.88**	**2.25**	**-16.3%**	**8.47**	**8.62**	**-1.7%**
LN thuần từ HĐKD	2.15	4.12	-47.7%	3.92	5.35	-26.7%
Lợi nhuận khác	**-0.12**	**0.09**	**-235%**	**8.16**	**3.95**	**107%**
LN trước thuế	2.03	4.21	-51.7%	12.1	9.30	29.8%
Lợi nhuận sau thuế	**1.73**	**4.06**	**-57.4%**	**9.61**	**8.11**	**18.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.73**	**4.06**	**-57.4%**	**9.61**	**8.11**	**18.6%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)